TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/HNGĐ-ST
Ngày 26-9-2022
V/v: Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung Th - Q

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và ông Phan Văn Tiến

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Diệu Thúy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 115/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022 về việc xin ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Th**, sinh năm 1986; HKTT: Thôn X, xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình; Chỗ ở hiện nay: Thôn V, xã Q, huyện T, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh **Bùi Văn Q**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn X, xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình.

(Chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Q vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/7/2022, bản tự khai, các đơn đề nghị và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn Q tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã s, huyện T và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 01, quyển số 01/2008 ngày 13/8/2008. Sau khi kết hôn chị và anh Q chung sống tại nhà anh Q tại thôn X, xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình cùng bố mẹ đẻ của anh Q. Trong quá trình chung sống có việc xảy ra mâu thuẫn giữa vợ chồng cũng như giữa chị và gia đình nhà chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không tin tưởng nhau, anh Q không có trách nhiệm với vợ con. Mâu thuẫn căng thẳng từ tháng 6 năm 2020 chị về nhà bố mẹ đẻ ở xã Q để sống, kể từ đó vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu giải quyết ly hôn với anh

Q.

Về quan hệ con chung: Chị và anh Q có một con chung là cháu Bùi Anh T1, sinh ngày 30/8/2009. Từ nhỏ đến nay con chung đang sinh sống cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Bùi Văn Q nhiều lần, tuy nhiên anh Q không đến Tòa án làm việc. Tòa án nhân dân huyện T đã tiến hành tống đạt trực tiếp và hợp lệ theo quy định của pháp luật các văn bản tố tụng cho anh Q ở gia đình tại thôn X, xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình, anh Q đã biết được nội dung thụ lý vụ án tuy nhiên anh từ chối không nhận văn bản và làm việc với Tòa án vì anh là người theo đạo công giáo, anh không có ý kiến về việc ly hôn với chị Th. Tòa án nhân dân huyện T đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và tiến hành giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại biên bản xác minh ngày 19/8/2022, Ủy ban nhân dân xã S và Công an xã S, huyện T cùng đại diện cơ sở thôn cung cấp như sau:

Anh Bùi Văn Q, sinh ngày 26/4/1983 có hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình, có số căn cước công dân là 034083004096 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 05/02/2018 là công dân hiện đang sinh sống tại xã S được xác định là bị đơn trong vụ án xin ly hôn với chị Lê Thị Th. Anh Q và chị Th có tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 13/8/2008. Sau khi kết hôn chị Th và anh Q chung sống tại nhà anh Q tại thôn X, xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình cùng bố mẹ đẻ của anh Q. Trong quá trình chung sống có việc xảy ra mâu thuẫn giữa vợ chồng cũng như giữa chị Th và gia đình nhà chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn theo địa phương nắm được là do hai bên không hiểu rõ tính cách suy nghĩ của đối phương nên không cùng quan điểm sống, khác biệt nhau về cách sống. Khi được gia đình kết hợp cùng với đại diện cơ sở thôn, phụ nữ thôn đã phân tích và hòa giải nhiều lần nhưng tình trạng mâu thuẫn của hai anh chị vẫn không thay đổi. Chị Th và anh Q đã ly thân từ tháng 6 năm 2020, và chị Th cũng chuyển về nhà mẹ đẻ tại thôn V, xã Q, huyện T, tỉnh Thái Bình sinh sống, còn anh Q vẫn ở tại địa phương. Quan điểm của địa phương về tình trạng hôn nhân của anh Q và chị Th là đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Còn trường hợp mâu thuẫn đã quá trầm trọng, các bên đã ly thân, không còn tình cảm và kiên quyết xin ly hôn, bản thân anh Q cũng thể hiện vợ chồng có mâu thuẫn thì địa phương đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn theo quy định của pháp luật. Theo sổ theo dõi khai sinh thì chị Th và anh Q có một con chung là Bùi Anh T1, sinh ngày 30/8/2009. Hiện nay con chung đã sinh sống và học tập tại xã Q, huyện T cùng chị Th từ lâu chứ không chung sống cùng anh Q tại xã S. Nếu ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật cũng như nguyện vọng của con chung, hoàn cảnh sinh sống của con chung để giải quyết theo

quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: Hiện nay không có tổ chức, cá nhân nào phản ánh đến địa phương về nợ chung của anh Q và chị Th. Theo thông tin địa phương nắm được là anh Q cũng đã nắm được các thông tin về việc giải quyết vụ án của Tòa án mà chị Th xin ly hôn, cũng xác nhận có mâu thuẫn vợ chồng tuy nhiên anh Q không lên Tòa án để làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Q mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ, biết việc chị Th xin ly hôn; được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án nhưng anh không trình bày ý kiến, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố dụng dân sự.Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Luật hôn nhân gia đình xử cho chị Lê Thị Th được ly hôn anh Bùi Văn Q; Về quan hệ con chung: Đề nghị căn cứ các điều 81, 82, 83, 84 giao cho chị Th nuôi dưỡng con chung Bùi Anh T1 và chấp nhận việc chị Th không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung; Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị Th không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết. Chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cà căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình, hiện nay anh Q đang sinh sống và lao động tại địa phương, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thay đổi nơi cư trú vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Bùi Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Q và chị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện T và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 01, quyển số 01/2008 ngày 13/8/2008. Tại thời điểm kết hôn, anh chị đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị và anh Q chung sống tại nhà anh Q tại thôn X, xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình cùng bố mẹ đẻ của anh Q. Trong quá trình chung sống có việc xẩy ra mâu thuẫn giữa vợ chồng giữa chị Th và gia đình anh Q. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không tin tưởng nhau, anh Q không có trách nhiệm với vợ con. Mâu thuẫn căng thẳng từ tháng 6 năm 2020 chị T về nhà bố mẹ đẻ ở xã Q để sống, kể từ đó vợ chồng sống ly thân, không

còn quan tâm đến nhau. Trong quá trình làm việc tại Tòa án, mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ, biết được anh Q không có ý kiến về việc ly hôn nhưng cũng không đưa ra được biện pháp để hàn gắn hôn nhân và không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm cũng như tìm các biện pháp để hòa giải vợ chồng. Qua xác minh tại địa phương nơi anh Q và chị Th sinh sống trước khi ly thân xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa hai bên là có thật, mâu thuẫn căng thẳng từ tháng 6 năm 2020 chị Th đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã Q để sống. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Q và chị Th đã ở mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th để vợ chồng đoàn tụ cũng không thành và sẽ làm cho mâu thuẫn thêm trầm trọng, chị Th cương quyết xin ly hôn, cần xử cho chị Th được ly hôn anh Q là phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Chị Th và anh Q có một con chung là Bùi Anh T1, sinh ngày 30/8/2009. Con chung hiện đang ở cùng với chị Th. Ly hôn chị Th có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con T1 và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyện vọng của cháu T1 muốn được ở với mẹ cũng như để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển mọi mặt của cháu T1 do từ trước đến nay cháu vẫn được chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng và đang phát triển bình thường, khỏe mạnh cả về thể chất lẫn tinh thần, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần xử giao con chung Bùi Anh T1 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận việc chị Th không yêu cầu anh Qphải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Q có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị Th và anh Q không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về quan hệ tài sản.

[6] Về án phí: Chị Th phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Th và anh Q có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Th được ly hôn anh Bùi Văn Q.

2. Về con chung: Chị Th và anh Q có 01 con chung là cháu Bùi Anh T1, sinh

ngày 30/8/2009. Ly hôn, giao cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Anh T1. Chị Th không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Th phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000đ chị Thảo đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004248 ngày 20/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã S (Nơi ĐKKH);
- Lưu HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Xuân Quỳnh